

Số: 66 /2020/BC-SĐ5-KHCL

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

PHẦN I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

I. Báo cáo thực hiện các chỉ tiêu chính

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỉ lệ
A	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH	10⁹đ	1.300,00	1.175,97	90%
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10⁹đ	1.300,00	1.117,54	86%
-	Có hợp đồng xây lắp	10 ⁹ đ	950,00	922,33	97%
-	Dự án ký hợp đồng năm 2019	10 ⁹ đ	350,00	195,21	56%
2	Kinh doanh vật tư, CCDV và hoạt động khác	10⁹đ		58,42	
B	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
I	Doanh số bán hàng (1+2)	10⁹đ	1.359,02	1.253,22	92%
1	Doanh thu	10 ⁹ đ	1.270,00	1.178,46	93%
2	Thuế GTGT đầu ra	10 ⁹ đ	89,02	74,76	82%
II	Lợi nhuận				
a	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	39,00	25,67	66%
b	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	31,20	19,97	64%
1	Tỷ suất lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,10%	2,18%	70%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	12,00%	7,68%	64%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,40%	4,19%	65%
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân	%	2,32%	1,67%	46%
2	Tỷ lệ lãi cố tức dự kiến	%	10%	7%	70%
III	Các khoản nộp Nhà nước				
1	Các khoản phải nộp Nhà nước (a+b)	10⁹đ	43,00	40,71	95%
a	Các khoản phải nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	28,00	28,06	100%
-	Thuế GTGT phải nộp	10 ⁹ đ	16,20	18,98	117%

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm	Thực hiện	Tỉ lệ
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	7,80	5,70	73%
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10 ⁹ đ		0,08	
-	Thuế thu nhập nhà thầu nước ngoài	10 ⁹ đ		0,02	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	4,00	3,18	80%
-	Thuế khác	10 ⁹ đ		0,10	
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	15,00	12,65	84%
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	10 ⁹ đ	15,00	12,65	84%
2	Các khoản đã nộp Nhà nước	10⁹đ	41,00	42,25	103%
a	Các khoản nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	26,00	29,60	114%
-	Thuế GTGT	10 ⁹ đ	16,20	18,98	117%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	6,30	8,26	131%
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10 ⁹ đ		0,08	
-	Thuế tài nguyên	10 ⁹ đ		0,10	
-	Thuế thu nhập nhà thầu nước ngoài	10 ⁹ đ		0,02	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	3,50	2,03	58%
-	Thuế khác	10 ⁹ đ		0,13	
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	15,00	12,65	84%
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT	10 ⁹ đ	15,00	12,65	84%
IV	Tiền lương và thu nhập				
1	CBCNV bình quân	người	1.150,00	1.230,00	107%
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁹ đ	145,40	174,47	120%
3	Các khoản thu nhập khác	10 ⁹ đ	6,00	2,56	43%
4	Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	10,54	11,98	114%
5	Thu nhập b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	10,97	11,07	101%
V	Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ				
1	Nguyên giá TSCĐ bq cần trích KH	10 ⁹ đ	450,00	319,44	71%
2	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	73,40	71,09	97%
3	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	16,31%	22,25%	136%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ⁹ đ	1.188,02	1.188,02	100%
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	527,87	1.202,24	228%
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	80,77	108,01	134%
VI	Nguồn vốn vay tại thời điểm cuối kỳ	10⁹đ	425,89	245,03	58%
1	Vay ngắn hạn	10 ⁹ đ	400,00	211,93	53%
2	Vay trung và dài hạn	10 ⁹ đ	25,89	33,09	128%
VII	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ	10⁹đ	487,98	476,75	98%

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm	Thực hiện	Tỉ lệ
a	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	259,99	259,99	100%
	Trong đó: Vốn nhà nước	10 ⁹ đ	166,80	166,80	100%
b	Quỹ đầu tư phát triển	10 ⁹ đ	143,06	143,06	100%
c	Thặng dư vốn cổ phần	10 ⁹ đ	43,13	43,13	100%
d	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10 ⁹ đ	-	-	-
e	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 ⁹ đ	10,60	10,60	100%
f	Lợi nhuận chưa phân phối	10 ⁹ đ	31,20	19,97	64%
g	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	10 ⁹ đ	-	-	-
VIII	Tổng tài sản cuối kỳ	10⁹đ	1.400,00	1.510,19	108%
IX	Nợ phải trả cuối kỳ	10⁹đ	912,03	1.033,45	113%
1	Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ	Lần	3,55	3,97	112%
2	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,93	2,17	112%
X	Đầu tư tài chính cuối kỳ				
C	KHỐI LƯỢNG CÁC CÔNG TÁC CHÍNH				
1	Phần đào đắp				
-	Tổng khối lượng đào đất	10 ² m3	1.880,21	1.504,16	80,0%
-	Tổng khối lượng đào đá	10 ² m3	1.363,34	1.186,36	87,2%
2	Phần xây lắp				
-	Tổng khối lượng bê tông RCC	10 ² m3	1.010,99	3.381,04	334,4%
-	Tổng khối lượng bê tông CVC	10 ² m3	572,65	772,06	134,8%
-	Tổng khối lượng cốt thép KC	tấn	2.999,60	5.368,3	179,0%
-	Tổng khối lượng cốp pha	m2	39.077,80	48.883,87	125,1%
D	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ				
1	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	10 ⁹ đ	-	-	-

II. Đánh giá chung về thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2019

1. Chỉ tiêu doanh thu, sản lượng:

Đánh giá chung: Chỉ tiêu doanh thu và sản lượng không đạt so với Kế hoạch. Doanh thu năm 2019 đạt 1.178 tỷ/KH 1.270 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 93% so với KH. Sản lượng 1.175 tỷ/KH 1.300 tỷ đạt tỷ lệ 90% so với KH. Nguyên nhân:

(i) Một số dự án chuyển tiếp từ năm 2018 không đạt kế hoạch: Sản lượng thực hiện 922,33 tỷ/KH 950 tỷ đạt 97%: do những điều kiện khách quan và chủ quan cụ thể:

- Dự án Thủy điện Nam Emoun: Sản lượng thực hiện năm 2019 của Dự án là 246,01 tỷ/KH 400,39 tỷ đạt 61% KH do: (1) Công tác Thiết kế ban đầu chậm nên việc triển khai một số công việc giai đoạn ban đầu của đơn vị bị chậm; (2) Ảnh hưởng của sự cố mưa lũ

thời điểm cuối tháng 8/2019 làm hư hại một số hạng mục và phải dừng thi công để tránh lũ và khắc phục sự cố.

Hiện nay, Công tác thiết kế đã được khắc phục và đáp ứng được tiến độ thi công (Công ty đã tìm kiếm đơn vị tư vấn thiết kế có kinh nghiệm của Thái Lan để thiết kế thay thế nhà thầu tư vấn trước đây các hạng mục Đập chính, Đập chuyển dòng và Nhà máy); Tiến độ thi công đã được thỏa thuận lại với Chủ đầu tư và Tư vấn để ký kết phụ lục điều chỉnh tiến độ mới.

- *Dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ - Ninh Thuận*: Sản lượng thực hiện năm 2019 của Dự án là 55,77 tỷ/KH 84,00 tỷ đạt 66% do: Công tác thi công san rải mặt đập RCC của Nhà thầu đứng đầu liên danh (Sông Đà 9) chậm tiến độ dẫn đến công tác sản xuất cốt liệu và vữa RCC của đơn vị bị chậm và không đạt kế hoạch.

- *Dự án hồ chứa nước Sông Chò tỉnh Khánh Hòa*: Chưa triển khai thi công do Chủ đầu tư chưa bàn giao mặt bằng.

(ii) *Các dự án trong kế hoạch tiếp thị đấu thầu năm 2019*: Do thị trường xây dựng truyền thống ngày càng thu hẹp; sự cạnh tranh khốc liệt giữa các Nhà thầu, khó khăn trong công tác tìm kiếm việc làm dẫn đến sản lượng các dự án tiếp thị năm 2019 của đơn vị không đạt kế hoạch (Tổng giá trị hợp đồng ký năm 2019 là 298 tỷ; Sản lượng thực hiện 195,2 tỷ đồng/KH 350 tỷ đồng).

2. Về chỉ tiêu lợi nhuận:

Lợi nhuận năm 2019 đạt 66% thực hiện 25,67 tỷ/KH 39,00 tỷ; giảm 13,38 tỷ so với kế hoạch do các nguyên nhân sau:

(i) Doanh thu thực hiện 1.178 tỷ/KH 1.270 tỷ; giảm 92 tỷ dẫn đến lợi nhuận giảm tương ứng với 1,9 tỷ;

(ii) Một số dự án trọng điểm không đạt kế hoạch sản lượng và doanh thu dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận không đạt so với kế hoạch đề ra như Dự án Thủy điện Nậm E Moun; Dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ do một số nguyên nhân khách quan; Dự án hồ chứa nước Sông Chò 1 chưa triển khai được;

(iii) Một số công trình công nợ bị nợ đọng kéo dài nhiều năm như Công trình Nậm Chiến 1 (118 tỷ), Bắc Mê (122 tỷ), Lai Châu (62 tỷ)... làm phát sinh chi phí tài chính ở mức cao ảnh hưởng đến nguồn vốn và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

(iv) Một số dự án kết thúc thi công như Thủy Điện Sơn La, Lai Châu, Hòa Na, Dakdrinh... bị giảm trừ doanh thu theo kết quả kiểm toán làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty.

3. Mục tiêu các mốc tiến độ chính:

3.1 *Dự án Thủy điện Nam E-Moun*: Đáp ứng được theo tiến độ mới cam kết với Chủ đầu tư.

- Thi công công trình phụ trợ: Thi công lắp đặt các khu lán trại, nhà xưởng, kho mìn, kho dầu đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư; Hoàn thành lắp đặt và vận hành trạm cân, trạm trộn và trạm nghiền.

- Thi công công trình chính:

✓ Đập chuyển dòng: Thi công công tác đào hố móng vai phải phần trên mực nước mùa khô và tiến hành thi công đắp đê quai giai đoạn 1.

✓ Đập chính: Thi công công tác đào hố móng vai trái phần trên mực nước mùa khô và tiến hành thi công đắp đê quai giai đoạn 1.

✓ Nhà máy: Triển khai đào và gia cố hố móng.

✓ Tuyển hầm:

+ Hoàn thành công tác đào và gia cố hầm phụ A; B.

+ Hầm phụ 1, 2 và 3: Hoàn thành công tác đắp đê quai, công tác đào và gia cố cửa hầm phụ.

+ Hầm phụ C: Hoàn thành công tác đào và gia cố cửa hầm phụ.

+ Hầm phụ D: Hoàn thành công tác đào, công tác gia cố mái và thi công bê tông cửa hầm.

+ Hầm phụ P8: Hoàn thành công tác đào; gia cố và bê tông cửa hầm.

3.2 Dự án Hồ chứa nước Bản Lải – Lạng Sơn: Đảm bảo mốc tiến độ thỏa thuận của Hợp đồng.

- Thi công bê tông RCC đập dâng bờ phải đến cao độ 314,40 m.

- Hoàn thành thi công bê tông Trần xả mặt - Khoang 2, cầu giao thông đến cao trình đỉnh đập (cao độ 314.70m).

- Tập kết vật liệu Xi măng, cát, đá, tro bay phục vụ thi công bê tông đầm lăn RCC đáp ứng theo tiến độ công trường.

3.3 Dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ - Ninh Thuận: Công tác sản xuất đá dăm và vữa bê tông RCC chậm so với kế hoạch, chỉ đạt 58%.

Nguyên nhân chậm tiến độ của Dự án là do Nhà thầu khác trong tổ hợp liên danh thực hiện công tác khai thác và cung cấp đá đến trạm nghiền không đáp ứng được năng suất trạm nghiền, công tác thi công RCC tại đập phụ 3 không đạt tiến độ) dẫn đến Sông Đà 5 cũng bị chậm theo.

3.4. Công trình thủy điện Nậm Ngiep 1:

- Tất cả các gói thầu được hoàn thành và bàn giao đúng tiến độ cam kết với nhà thầu chính Obayashi và Chủ đầu tư.

3.5 Dự án thủy điện Xe Nam Noy: Hoàn thành quyết toán bàn giao tất cả các gói thầu với Chủ đầu tư.

3.6 Dự án Nhà Máy thép Hòa Phát - Dung Quất: Các gói thầu thi công đảm bảo tiến độ hợp đồng. Khối lượng thi công chính:

- Bê tông: TH 11.626 m³/KH 11.534 m³, đạt 101% kế hoạch.

- Cốt thép: TH 3.088 tấn/KH 1.924 tấn, đạt 160% kế hoạch.

- Ván khuôn TH 33.670 m²/KH 31.432 m², đạt 107% kế hoạch.



- Sản xuất đá thành phẩm: TH 645.989 m3.

3.7 Dự án hồ chứa nước Sông Chò 1 tỉnh Khánh Hòa: Chưa triển khai thi công (Chủ đầu tư chưa hoàn thành công tác bàn giao mặt bằng).

PHẦN II KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

I. Các chỉ tiêu chính:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
A	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH	10⁹đ	1.185,00	
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10⁹đ	1.185,00	
-	Có hợp đồng xây lắp	10 ⁹ đ	1.095,00	
-	Dự kiến sẽ ký hợp đồng	10 ⁹ đ	90,0	
2	Kinh doanh vật tư, CCDV và hoạt động khác	10⁹đ		
B	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
I	Doanh số bán hàng (1+2)	10⁹đ	1.181,55	
1	Doanh thu	10 ⁹ đ	1.125,28	
2	Thuế GTGT đầu ra	10 ⁹ đ	56,26	
II	Lợi nhuận			
a	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	32,50	
b	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	26,00	
1	Tỷ suất lợi nhuận			
-	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	2,89%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	10,00%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,39%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân	%	2,18%	
2	Tỷ lệ lãi cổ tức dự kiến	%	10%	
III	Các khoản nộp Nhà nước			
1	Các khoản phải nộp Nhà nước (a+b)	10⁹đ	42,90	
a	Các khoản phải nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	25,90	
-	Thuế GTGT phải nộp	10 ⁹ đ	13,00	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	6,50	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	6,40	
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	17,00	
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	10 ⁹ đ	17,00	
2	Các khoản đã nộp Nhà nước	10⁹đ	41,00	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
a	Các khoản nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	24,00	
-	Thuế GTGT	10 ⁹ đ	13,00	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	6,50	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	4,50	
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	17,00	
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT	10 ⁹ đ	17,00	
IV	Tiền lương và thu nhập			
1	CBCNV bình quân	người	1.150,00	
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁹ đ	146,00	
3	Các khoản thu nhập khác	10 ⁹ đ	6,00	
4	Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	10,58	
5	Thu nhập b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	11,01	
V	Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ			
1	Nguyên giá TSCĐ bq cần trích KH	10 ⁹ đ	314,58	
2	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	48,36	
3	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	15,37%	
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ⁹ đ	1.198,02	
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	1.188,02	
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	77,70	
VI	Nguồn vốn vay tại thời điểm cuối kỳ	10⁹đ	446,12	
1	Vay ngắn hạn	10 ⁹ đ	420,00	
2	Vay trung và dài hạn	10 ⁹ đ	26,12	
VII	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ	10⁹đ	482,78	
a	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	259,99	
	Trong đó: Vốn nhà nước	10 ⁹ đ	166,80	
b	Quỹ đầu tư phát triển	10 ⁹ đ	143,06	
c	Thặng dư vốn cổ phần	10 ⁹ đ	43,13	
d	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10 ⁹ đ		
e	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 ⁹ đ	10,60	
f	Lợi nhuận chưa phân phối	10 ⁹ đ	26,00	
g	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	10 ⁹ đ		
VIII	Tổng tài sản cuối kỳ	10⁹đ	1.717,32	
IX	Nợ phải trả cuối kỳ	10⁹đ	1.234,55	
1	Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ	Lần	4,75	
2	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,56	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
X	Đầu tư tài chính cuối kỳ			
C	KHỐI LƯỢNG CÁC CÔNG TÁC CHÍNH			
1	Phần đào đắp			
-	Tổng khối lượng đào đất	10 ² m3	1.598,30	
-	Tổng khối lượng đào đá	10 ² m3	1.267,36	
2	Phần xây lắp			
-	Tổng khối lượng bê tông RCC	10 ² m3	1.619,59	
-	Tổng khối lượng bê tông CVC	10 ² m3	584,07	
-	Tổng khối lượng cốt thép KC	tấn	524,9	
D	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ		20,00	
1	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	10 ⁹ đ	20,00	

II. Mục tiêu tiến độ năm 2020

1. Dự án Thủy điện Nam E-Moun:

- *Công tác thiết kế:* Đáp ứng được yêu cầu theo tiến độ mới thỏa thuận với Chủ đầu tư (Hoàn thiện thiết kế đập chuyển dòng, đập chính và nhà máy...)

- *Công tác thi công:*

+ Đập chuyển dòng:

✓ Thi công bờ phải: Hoàn thành công tác đắp đê quây giai đoạn 1, phá dỡ đê quây, đào hố móng và khoan phun gia cố, chống thấm trước tháng 6 năm 2020; Thi công bê tông khoang tràn số 1 và bê tông đập dâng đến cao độ 789,00m; bê tông cửa nhận nước và bê tông kênh dẫn vào hệ thống khử cát.

✓ Thi công bờ trái: Hoàn thành công tác đắp đê quây giai đoạn 2 trước tháng 12 năm 2020; công tác đào hố móng và bảo vệ mái dốc.

+ Đập chính

✓ Thi công bờ trái: Hoàn thành công tác đắp đê quây giai đoạn 1; phá dỡ đê quây trước tháng 8 năm 2020; công tác đào hố móng và bảo vệ mái dốc trước tháng 3 năm 2020; Thi công bê tông khoang tràn số 1 đến cao độ 791 và công tác khoan phun gia cố.

✓ Thi công bờ phải: Hoàn thành công tác đào hố móng và gia cố bảo vệ mái trước tháng 3 năm 2020; công tác thi công đê quây giai đoạn 2 trước tháng 12 năm 2020.

+ Nhà máy: Hoàn thành công tác đào nhà máy và bảo vệ mái dốc; bê tông giai đoạn 1 tới cao độ 363.80m.

+ Phần hầm:

✓ Tuyến hầm phụ: Hoàn thành công tác bê tông cửa hầm và đào gia cố các tuyến hầm phụ C, D, 1, 2, 3, P7, P8.

✓ Tuyến Hàm chính: Thi công đào và gia cố đạt 12.618md/19.913 md (Trong đó: tuyến hàm T1 đạt 8.149md/11.984md; tuyến hàm T2 đạt 1.621md/3.879md; tuyến hàm T3 đạt 2.044md/3.232md; tuyến hàm T4 đạt 804,96md/818md).

2. Dự án hồ chứa nước Bản lái:

- Hoàn thành thi công bê tông RCC đập chính vai trái (cao độ 314.40 m); bê tông Trần tường ngực - Khoảng 2 +3, cầu giao thông đến cao trình đỉnh đập (cao độ 314.70m);
- Hoàn thành thi công Cổng lấy nước và gia cố mặt đập;
- Các hạng mục khác đảm bảo cam kết trong hợp đồng.

3. Dự án Hệ thống thủy lợi Tân mỹ Ninh Thuận: Đảm bảo tiến độ cam kết với Chủ đầu tư hoàn thành toàn bộ đập phụ 3 (Tháng 3/2020) và đập phụ 4 (tháng 15/6/2020).

4. Dự án hồ chứa nước Sông Chò 1 tỉnh Khánh Hòa: Phối hợp với Chủ đầu tư để làm việc với các cơ quan chức năng giải quyết các vướng mắc để triển khai thi công trong năm 2020 (Dự kiến tháng 6/2020).

III. Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

1. Kế hoạch tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm năm 2020: Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm với mục tiêu kế hoạch sản lượng cho các năm tiếp theo. Cụ thể giải pháp:

* *Đối với thị trường trong nước:* Thường xuyên cập nhật thông tin các dự án đang theo đuổi, Thực hiện các giải pháp để thắng thầu tìm kiếm việc làm cho năm 2020 và các năm tiếp theo.

* *Đối với thị trường Quốc tế:*

- *Thị Trường Lào:* Thực hiện thu thập, nghiên cứu, thông tin thị trường xây dựng thủy điện tại Lào; Tiếp cận các Chủ đầu tư truyền thống và tiềm năng để tìm kiếm dự án mới.

- *Thị trường các quốc gia khu vực Đông Nam á (Indonesia, Myanma...)* Tiếp tục cập nhật thông tin dự án, liên danh liên kết với các nhà thầu quốc tế (Obayashi, Synohydro, Sam Sung...) để đấu thầu tìm kiếm việc làm các dự án phù hợp với năng lực của đơn vị.

2. Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:

- Tiếp tục hoàn thiện, đánh giá những tồn tại của mô hình quản lý dự án đơn vị đang áp dụng để có những giải pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

- Ban hành kịp thời, đầy đủ các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với mô hình quản lý thực tế và thay đổi của Pháp luật.

- Đào tạo, quy hoạch đội ngũ Giám đốc dự án để nâng cao năng lực quản lý và điều hành các dự án mới khi được triển khai.

3. Công tác thu hồi giá trị dở dang và công nợ: Thực hiện các giải pháp đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán để thu hồi vốn, giảm thiểu giá trị dở dang. Cụ thể:

- Đối với các dự án chỉ định thầu đã kết thúc thi công: Tập trung nguồn lực làm việc với Ban điều hành, Chủ đầu tư để quyết toán các hạng mục đã đủ điều kiện.

+ Công trình thủy điện Lai Châu: Tập trung hoàn thiện phiếu giá đã đủ điều kiện quyết toán, hoàn thành quyết toán toàn bộ công trình trong năm 2020.

+ Công trình Nậm Ly: Làm việc với Chủ đầu tư để quyết toán khối lượng, hoàn thành quyết toán toàn bộ công trình.

- Đối với các dự án đang thi công: Tập trung nhân lực rút ngắn thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn dứt điểm đối với phần khối lượng dở dang.

- Kế hoạch thu vốn năm 2020 là **1.125 tỷ đồng**, Trong đó:

+ Công trình đã kết thúc thi công : 12,99 tỷ đồng.

+ Công trình đang thi công : 1.058 tỷ đồng.

+ Các công trình dự kiến ký Hợp đồng năm 2020 : 54,00 tỷ đồng.

- Kế hoạch thu hồi công nợ năm 2020 là **1.150 tỷ đồng**. Trong đó

+ Công trình đã kết thúc thi công : 85,15 tỷ đồng.

+ Công trình đang thi công : 1.064,85 tỷ đồng.

4. Công tác quản lý chi phí:

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định trong công tác giao khoán, quản lý chi phí phù hợp với mô hình quản lý dự án và yêu cầu thực tế tại đơn vị; Ban hành bổ sung kịp thời các bộ định mức, đơn giá giao khoán đối với các công việc phát sinh.

- Phối hợp với công tác quản lý vật tư, thiết bị tìm kiếm cập nhật các nhà cung cấp để được giá cạnh tranh nhất.

- Thực hiện kịp thời công tác quyết toán nhân công, vật tư, nhiên liệu.

- Tìm kiếm các đối tác cho thuê các thiết bị máy móc chưa có nhu cầu sử dụng để bù đắp lại chi phí khấu hao.

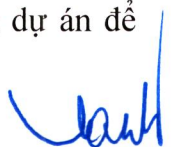
- Thành lập các tổ công tác kiểm tra, hướng dẫn các công trường dự án trong công tác quản lý vật tư xe máy thiết bị, hạch toán chi phí và thực hiện quy chế quản nội bộ.

- Tiếp tục công tác phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh theo định kỳ (quý, năm) và khi kết thúc dự án; công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định giao khoán, quyết toán giao khoán nhằm khắc phục những tồn tại trong quản lý.

5. Công tác tài chính kế toán:

- Tiếp tục thực hiện cân đối, thu xếp vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020. Mở rộng và xây dựng mối quan hệ với các Tổ chức tín dụng mới để đảm bảo đa dạng về nguồn vốn với chi phí vay thấp.

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho từng dự án để đảm bảo hiệu quả kinh tế.



- Thực hiện tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác.
- Tham gia vào công tác thẩm định năng lực tài chính của Chủ đầu tư các dự án Công ty tham gia đấu thầu để đảm bảo nguồn vốn thanh toán của Dự án khi thi công.
- Tập trung thu hồi vốn và công nợ các công trình đồng thời đơn đốc thu hồi công nợ tạm ứng cá nhân đã đến hạn. Xây dựng kế hoạch và biện pháp để thu hồi công nợ khó đòi, kéo dài đã nhiều năm.
- Phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty Sông Đà – CTCP và Công ty CP thủy điện Nậm Chiến để thu hồi phần công nợ tại công trình thủy điện Nậm Chiến.
- Công tác kiểm toán, minh bạch tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm toán, công bố thông tin đại chúng.
- Tăng cường việc hỗ trợ công tác hạch toán kế toán tại các công trình dự án.

6. Công tác quản lý khối lượng, tiến độ, an toàn:

- Tăng cường công tác quản lý khối lượng, tiến độ, đặc biệt công tác nghiệm thu, thu vốn tại các dự án.
- Phê duyệt kịp thời yêu cầu vật tư chính cho các dự án đảm bảo tiến độ thi công.
- Thiết kế và phê duyệt kịp thời biện pháp thi công chủ đạo làm cơ sở cho các công trường dự án triển khai thi công.
- Triển khai tổ chức thi công đảm bảo mục tiêu khối lượng, tiến độ của hợp đồng.
- Tăng cường công tác giám sát an toàn, tổ chức huấn luyện an toàn thường xuyên cho người lao động nhằm giảm thiểu tối đa mất an toàn có thể xảy ra.
- Xây dựng củng cố đội ngũ quản lý an toàn đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

7. Công tác quản lý sử dụng vật tư, thiết bị:

- Xây dựng kế hoạch mua sắm và sử dụng vật tư đảm bảo cung cấp kịp thời, sử dụng tiết kiệm hiệu quả các loại vật tư.
- Cân đối đảm bảo xe máy thiết bị đáp ứng yêu cầu cho các dự án; thực hiện đấu thầu chào giá cạnh tranh lựa chọn nhà cung cấp cho thuê thiết bị.
- Thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhằm đảm bảo công suất làm việc và nâng cao hiệu quả sử dụng máy.
- Triển khai các bước tiếp theo thực hiện giải thể, thanh lý thiết bị Nậm nghiệp 1 theo phương án đã được phê duyệt.

8. Công tác quản lý nhân lực:

- Cân đối nhu cầu nhân lực hiện có các công trường để thực hiện các giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu lao động đối với từng công trình, dự án.
- Liên hệ làm việc với các trường dạy nghề, các Trung tâm giới thiệu việc làm để ký kết các hợp đồng đào tạo, tuyển dụng đảm bảo cung cấp lao động trực tiếp cho các dự án.

- Tiếp tục thực hiện tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch đội ngũ Giám đốc dự án, kỹ sư trực tiếp theo mô hình quản lý dự án của công ty cũng như yêu cầu thực tế của công việc (Đặc biệt đối với lĩnh vực xây dựng công trình hầm; dân dụng và xây dựng giao thông).

9. Công tác quản trị rủi ro:

- Ban hành các quy trình kiểm soát rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Định kỳ hàng quý thành lập đoàn kiểm tra nội bộ làm việc tại các dự án để phân tích đánh giá, đưa ra những cảnh báo về những nguy cơ, rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các giải pháp để kiểm soát rủi ro.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Sông Đà 5. Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Đại hội Đồng cổ đông;
- HĐQT Công ty (Để b/c);
- Ban kiểm soát Công ty (Để b/c);
- Lưu VP, KHCL.



Nguyễn Đắc Điệp

